TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2023/HS-PT
Ngày: 06 - 6 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Tuấn.**

Các Thẩm phán: Ông **Mai Văn Hùng Cường.**

Ông **Võ Ngọc Hải.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hồng Mơ** – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Hồ Minh Hiếu** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 61/2023/TLPT-HS ngày 20 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo Phạm Tuấn L và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo và đại diện hợp pháp của bị cáo Vũ Hoàng M đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2023/HS-ST ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tiền Giang.

- *Các bị cáo có kháng cáo:*

1**. Phạm Tuấn L,** (tên gọi khác: Boy) sinh ngày 20/01/1986 tại tỉnh Bình Dương.

- Nơi cư trú: Số 466/18/17 T, phường X, thành phố T, tỉnh Tiền Giang.

- Chỗ ở: Ấp 1, xã Đ, TP T, tỉnh Tiền Giang.

- Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam.

- Con ông: Phạm Văn L (chết) và bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm: 1959; Vợ: Đã ly hôn (hiện tại đang sống chung như vợ chồng với Huỳnh Ngọc N).

- Tiền án, Tiền sự: Không.

- Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 29/11/2021, tạm giam: 08/12/2021 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Dư Thanh Tuấn E,** sinh ngày 07/11/1982 tại tỉnh Tiền Giang.

- Nơi cư trú: số 183/8 ấp BT, xã TA, thành phố T, tỉnh Tiền Giang.

- Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam.

- Con ông: Dư Văn T (chết) và bà Hướng Thị B (chết); vợ: Phan Thị Hồng D và có 02 con.

- Tiền án, tiền sự: không;

- Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/11/2021, tạm giam: 08/12/2021 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3**. Nguyễn Thanh T, (Tên gọi khác: Tuấn E)** sinh ngày 17/7/2004 tại tỉnh Bến Tre.

- Nơi cư trú: Ấp TH, xã G, huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

- Chỗ ở: Ấp 1, xã Đ, thành phố T, tỉnh Tiền Giang.

- Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam;

- Con ông: Nguyễn Chiến B, sinh 1972 và bà Phan Thị Ph, sinh 1976. Bị cáo chưa có vợ, con.

- Tiền án, tiền sự: không;

- Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 30/11/2021, tạm giam: 09/12/2021. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4**. Huỳnh Ngọc N,** sinh ngày 29/5/1985, tại tỉnh Tiền Giang.

- Nơi cư trú: Ấp P, xã H, huyện G, Tiền Giang.

- Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nữ;

- Con ông: Huỳnh Văn V, sinh 1953 và bà Nguyễn Thị N: sinh 1965; Chồng: Sống chung như vợ chồng với Phạm Tuấn L trong cùng vụ án. Con: Có 01 người.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/9/2022 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. **Trần Thị Anh T,** sinh ngày 13/4/2005, tại tỉnh Tiền Giang**.**

- Nơi cư trú: Số 12/12 G, tổ 7, khu phố Z, phường Y, thành phố T, tỉnh Tiền Giang.

- Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nữ;

- Con ông: Trần Văn V, sinh 1977 và bà Lê Thị Thanh T, sinh 1986; Chồng, con: Chưa.

- Tiền án, tiền sự: Không

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa

6. **Nguyễn Tấn L**, sinh ngày 01/01/1974 tại tỉnh Tiền Giang.

- Nơi cư trú: Tổ 15, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam;

- Con ông: Nguyễn Chí T, sinh 1945 và bà Đỗ Thị Mỹ D, sinh 1945; Vợ: Đinh Thị Bé T, sinh 1984. Con: Có 01 người;

- Tiền án, tiền sự: Không

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

7. **Vũ Hoàng M**, (Tên gọi khác: Ben), sinh ngày 12/7/2005 tại tỉnh Tiền Giang.

- Nơi cư trú: Số 19/4B L, phường X, thành phố T, Tiền Giang.

- Nghề nghiệp: Mua bán phế liệu; Trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam;

- Con ông: Võ Minh K, sinh 1981 và bà Vũ Thị Kim T, sinh 1986; Vợ, con: Chưa có.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Trần Xuân H** – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tiền Giang (có mặt).

* ***Đại diện hợp pháp của bị cáo Vũ Hoàng M:*** bà **Vũ Thị Kim T**, sinh năm 1986 (có kháng cáo) và ông **Võ Minh K**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 19/4B L, phường X, TP T, Tiền Giang.

Tạm trú: 10/1 H, phường Y, thành phố T, tỉnh Tiền Giang.(có mặt).

Ngoài ra, bản án có bị cáo Cao Thanh C đã rút kháng cáo và 05 bị cáo khác, 05 bị hại và 05 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 26/11/2021, Dư Thanh Tuấn E, Nguyễn Văn G, Nguyễn Tấn L, Huỳnh Ngọc N, Phạm Tuấn L (Boy) cùng uống bia tại quán "B" tại địa chỉ ấp 1, xã Đ, thành phố T, tỉnh Tiền Giang do Tuấn L làm chủ. Khoảng 17 giờ cùng ngày, chị Dương Thị Thanh X gọi điện thoại cho Tuấn E hỏi mượn tiền để trả nợ nên Tuấn E nói chị X đến quán "B" nói chuyện. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, chị X đến quán và nói cho tất cả những người đang ngồi trong bàn biết là X có vay của anh Nguyễn Mỹ T2 số tiền 20.000.000 đồng, hiện đã đến hạn nếu không trả sẽ bị đánh và ném nước sơn vào nhà. Nghe vậy, Tuấn L, Tuấn E kêu X điện thoại cho T2 đến quán B để giải quyết dùm, đồng thời dặn chị X nói với T2 là đến quán để trả hết tiền vay.

Sau khi nghe điện thoại và được chị X chỉ đường, khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, anh T2 điều khiển xe mô tô một mình đến cầu Z và điện thoại cho chị X để đi vào quán B. Lúc này, Tuấn L kêu G ra đứng núp ở phía ngoài quán để không cho T2 thoát nên G cầm dao tự chế có sẵn trong quán (dài 95,5cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 70cm, cán bằng gỗ) đi ra ngoài đường hẻm đứng. Khi anh T2 đến cổng quán điện thoại chị X ra gặp, cách vị trí nhóm Tuấn L đang ngồi uống bia trong quán khoảng 20 mét nên chị X bỏ chạy vào chồi lá thứ 3 của quán trốn. Lúc này, Tuấn L cầm dao tự chế và kêu Tuấn E cầm dao tự chế (có sẵn trong quán) cùng ra bắt T2. Khi Tuấn L, Tuấn E ra trước quán thì hai bên xô đẩy nhau, nghe vậy L từ trong quán chạy ra cùng bắt T2. Tuấn L và Tuấn E cùng một bên nắm tay phải, còn L một bên nắm tay trái lôi anh T2 từ cổng quán vào trong quán, G từ cột điện cầm dao chạy đến đi theo sau, khi anh T2 vào bên trong thì đóng cửa quán lại (không xác định được người đóng cửa).

Tại đây, anh T2 bị Tuấn L, Tuấn E đánh và bắt quỳ gối còn L dùng tay phải lấy điện thoại trên người của T2 đưa cho Tuấn L để trên bàn. Tuấn L bắt T2 cởi áo, dùng tay chân đánh, đá vào đầu, lưng; đập vỡ vỏ chai bia đâm nhiều nhát vào lưng của anh T2 gây thương tích. Sau đó, Tuấn L buộc T2 tháo nhẫn, đồng hồ, tiền, thẻ căn cước để ra ngoài để trên nền gạch phía sau lưng chỗ T2 quỳ gối. Do bị đánh đau anh T2 khóc, la lớn tiếng nên Tuấn E kêu lấy băng keo dán miệng T2 lại. Nghe vậy, N lấy băng keo (có sẵn trong quán) đưa cho Tuấn E. Tuấn L dùng túi nylong màu xanh nhét vào miệng để Tuấn E dùng băng keo quấn quanh miệng và mặt của T2. Lúc này, Nguyễn Thanh T (là con nuôi phụ Tuấn L bán quán) cùng bạn là Cao Thanh C, Trần Thị Anh T đi đá bóng về. Sau khi nghe Tuấn E kể sự việc thì T, C cùng tham gia đánh anh T2. Sau đó, Đoàn Văn T3 từ phòng trọ gần đó đi đến quán (trước đó đã uống cùng bia tại quán) thấy T2 bị đánh cũng dùng tay chân đấm, đá vào người của anh T2 rồi đến bàn ngồi.

Sau đó, Tuấn L yêu cầu T2 phải trả số tiền đã lấy của chị X, buộc T2 phải viết giấy nợ nên kêu N viết nợ 50.000.000 đồng nhưng Tuấn E nói phải viết nợ 100.000.000 đồng. Nghe vậy, N viết giấy nợ với nội dung "Nguyễn Mỹ T2 nợ

Phạm Tuấn L 100.000.000 đồng". Sau khi viết xong N đưa cho Tuấn L. T lấy ghế nhựa để Tuấn L đặt giấy nợ L trên cho T2 đang quỳ gối ký tên, đồng thời N lấy hộp mực màu đỏ (có sẵn trong quán) đưa cho T để trên ghế cho T2 lăn tay. Do bị đánh rất nhiều nên T2 phải đồng ý ký và lăn tay giấy nợ. Tuấn L liền yêu cầu anh T2 điện thoại cho người đem 50.000.000 đồng đến trả tiền rồi mới cho về. T2 liền gọi điện thoại cho anh Nguyễn Mỹ T4 nói T4 mang 50.000.000 đồng đến quán để chuộc T2 về. Khi nghe điện thoại của T2, T4 đang ở nhà trọ tại ấp 2, xã TA, thành phố T, tỉnh Tiền Giang cùng với Thái Duy K, Nguyễn Mỹ T5 và Giả Đức N2. Sau khi chuẩn bị tiền T4 cùng K đi trước, T5 và N2 đi sau.

Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, T4 mang 50.000.000 đồng cùng K đến quán "B". Lúc này, Tuấn L kêu ra bắt T4, K nên G, Thanh T cùng cầm dao tự chế, C cầm bình xịt hơi cay ra cổng và khống chế bắt T4, K vào trong ngay vị trí của T2 đang quỳ, T liền đóng cổng rào móc ổ khóa lại để không cho T4, K trốn thoát. Tại đây, Tuấn L kêu T4, K giở áo lên kiểm tra xem có mang theo hung khí không, C lấy 01 điện thoại và bóp của T4 đưa cho T; T lấy 01 bóp và 01 điện thoại của K rồi để tất cả trên bàn. Thanh T lấy số tiền 50.000.000 đồng từ T4 rồi đưa cho N, N đưa cho T tháo thun ra và đưa trở lại để N đếm. Lúc này, T4, K bị bắt phải cởi áo ra và quỳ xuống. Sau đó, Tuấn L, Tuấn E, C, T, T3 tiếp tục dùng tay, chân, dao tự chế, dép đánh T2, T4, K. Đếm đủ số tiền 50.000.000 đồng T liền đưa cho Tuấn L. Trong lúc anh T2, T4, K đang quỳ gối thì Tuấn L đến lấy 1.000.000 đồng của anh T2 để trên nền gạch đưa cho Huỳnh Chí T6 nhân viên của quán đi mua bia, nước ngọt; sau đó, Tuấn L tiếp tục lấy 300.000 đồng của anh T2 đưa cho T6 đi mua hủ tiếu cho những người trong quán ăn.

Sau đó, C điện thoại cho bạn là Nguyễn Nhựt T7 (Dị) rủ đến quán "B" đánh nhóm người miền Bắc rồi sẽ có tiền. Nghe vậy, T7 rủ Nguyễn Hữu P, Vũ Hoàng M, Lý Hoàng P2, sinh ngày 11/7/2007; Nguyễn Quang V; Trần Nguyễn Quốc B; Huỳnh Hồng S, sinh ngày 07/6/2006 đang ngồi uống café chung cùng đi. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, tất cả đến quán "B" và biết được sự việc nên cùng tham gia đánh T2, T4, K bằng tay, chân.

Do biết được còn có người đi cùng với T4, K nên Tuấn L nói những người trong quán "Bắt những ai đi xe 36, 38 vào trong quán". Khoảng 20 phút, sau khi T4 và K vào trong quán nhưng không trở ra nên T5, N2 từ cầu Z chạy xe vào tìm liền bị G cầm dao tự chế, M cầm cây; P, B, V, S, P2, T7 hai tay cầm vỏ chai bia ra khống chế bắt N2, T5 vào trong quỳ gối cạnh T2, T4, K. T trực tiếp lấy 02 điện thoại và 02 bóp của T5, N2 để trên bàn đá. Sau đó, T5, N2 bị những người tại đây dùng tay, chân, dép lào, khúc gỗ đánh vào người. Sau đó, T4 bị suyển, T2 bị chảy nhiều máu nên nhóm của Tuấn L cho T5, T2, T4 về trước để đưa đi cấp cứu. N2 và K ở lại tiếp tục bị đánh. Khoảng 20 phút sau thì Tuấn L trả cho K điện thoại

(không nhớ rõ số lượng), 01 đồng hồ bằng kim loại màu vàng, 01 dây chuyền bằng kim loại màu bạc, tiền Việt Nam 500.000 đồng và cho cả hai ra về.

Đối với số tiền đã chiếm đoạt, Tuấn L cho Tuấn E 1.000.000 đồng; T3 500.000 đồng; đưa cho T 10.000.000 đồng, T chia cho nhóm của T7 7.000.000 đồng (T7, P, B, V, M, S, P2 mỗi người 1.000.000 đồng); còn lại 3.000.000 đồng T giữ lại 1.500.000 đồng, chia cho C 1.500.000 đồng. Tuấn L cho T6 (là người giúp việc và có mặt xuyên suốt trong quá trình diễn biến sự việc khi Tuấn L chiếm đoạt tiền của T2) 500.000 đồng. Sáng ngày 27/11/2021, Tuấn L lấy 16.000.000 đồng đưa cho Nguyễn Văn G mượn để mua xe. Đến 14 giờ 25 phút ngày 27/11/2021, Nguyễn Mỹ T4 sau khi đã điều trị ổn định đến Công an xã Đ tố giác sự việc, sau đó Tuấn L cùng đồng phạm bị bắt giữ để điều tra.

Căn cứ các Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 70, 71, 72 cùng ngày 08/3/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Tiền Giang kết luận: Nguyễn Mỹ T2 bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 05% (Sẹo vết thương thắt lưng phải do vật sắc gây nên; Chấn thương đầu gây chấn động não: Thương tích do vật tầy gây nên); Nguyễn Mỹ T4 bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 00%. Thái Duy K bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 02% (thương tích do vật sắc gây nên).

Quá trình điều tra anh T2, T4, K không yêu cầu xử lý các bị cáo về hành vi cố ý gây thương tích.

Về tài sản chiếm đoạt: Bị hại Nguyễn Mỹ T2 khai nhận ngoài số tiền 50.000.000 đồng thì T2 còn bị chiếm đoạt tiền khoảng 7.000.000 đồng, 01 chiếc nhẫn 03 chỉ vàng 9999; bị hại T4 bị chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max; K bị chiếm đoạt 19.500.000 đồng. Tuy nhiên qua điều tra bị cáo Phạm Tuấn L cùng đồng phạm thừa nhận ngoài số tiền 50.000.000 đồng, chỉ chiếm đoạt của T2 số tiền 3.300.000 đồng và K 1.200.000 đồng.

Về vật chứng vụ án, Cơ quan điều tra đã thu giữ gồm:

- 01 con dao tự chế dài 95.5cm có vỏ bằng gỗ màu đen dài 74,3cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 70cm, mũi dao nhọn, cán bằng gỗ dài 25,5cm, được bọc da màu trắng quấn vải đen;

- 01 con dao tự chế dài 60cm;

- 01 con dao tự chế dài 75cm, lưỡi dao dài 44cm, cán dao bằng kim loại hình hộp dài 31cm;

- 01 con dao tự chế dài 41cm, cán bằng gỗ dài 12cm, lưỡi bằng kim loại, dài 29cm;

- 01 thẻ căn cước công dân số 0400820003XX tên Nguyễn Mỹ T2;

- 02 cuộn băng keo màu vàng;

- Tiền Việt Nam 21.500.000 đồng (do Phạm Tuấn L giao nộp);

- Tiền Việt Nam: 1.000.000 đồng (Dư Thanh Tuấn E giao nộp);

- Tiền Việt Nam: 16.000.000 đồng (do Nguyễn Văn G giao nộp);

- Tiền Việt Nam: 500.000 đồng (Nguyễn Thanh T giao nộp);

- Tiền Việt Nam: 350.000 đồng (Nguyễn Hữu P giao nộp);

- Tiền Việt Nam: 1.000.000 đồng (do Nguyễn Thị Ánh N, mẹ ruột Nguyễn Hữu P giao nộp);

- Tiền Việt Nam: 1.000.000 đồng (do Lý Hoàng P2 giao nộp);

- Tiền Việt Nam: 1.000.000 đồng (do Nguyễn Thị Ngọc N, mẹ ruột Trần Nguyễn Quốc B giao nộp);

- 01 hộp mực màu đỏ, vỏ bằng kim loại, trên vỏ có hình con ngựa, chữ Horse.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS Max, số máy MT5E2LL/A, số seri FK1XH8HOKPHH (của Huỳnh Ngọc N);

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 số máy MGJ 83 VN/A, số seri G6 TF6 O2QOFOV (của Dư Thanh Tuấn E);

- Thu giữ dữ liệu điện tử:

+ 01 đĩa lưu trữ dữ liệu đoạn ghi hình ảnh thời gian 04 phút 35 giây tại quán B, địa chỉ ấp 1, xã Đ, thành phố T ngày 26/11/2021 trích từ điện thoại di động của Dư Thanh Tuấn E (do Tuấn E ghi lại khi thực hiện tội phạm, chuyển trong hồ sơ vụ án);

+ 02 hệ thống camera quan sát trong nhà, ngoài sân của quán ăn B, địa chỉ ấp 1, xã Đ, thành phố T, tỉnh Tiền Giang vào ngày 26/11/2021. Sau đó, được trích xuất lưu vào 02 đĩa DVD với 136 tập tin video. Tại Bản kết luận giám định số 86 ngày 08/4/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang kết luận: 136 tập tin video không cắt, ghép (02 đĩa DVD chuyển trong hồ sơ vụ án).

Đối với khúc gỗ do Vũ Hoàng M sử dụng khi bắt anh N2 và anh T5; vỏ chai bia bị vỡ mà Phạm Tuấn L sử dụng đâm vào vùng lưng của T2 cùng băng keo, bao nylon màu xanh do Tuấn E và Tuấn L sử dụng quấn, nhét vào miệng anh T2. Sau đó, những người trong quán đã dọn, dẹp bỏ vào sọt rác nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T không tìm được. Đối với tờ giấy nợ do N viết, Tuấn L khai đã ném bỏ xuống sông B nên không thu hồi được.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2023/HS-ST ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Tuấn L, Dư Thanh Tuấn E, Nguyễn Thanh T phạm tội "Cướp tài sản" và "Bắt, giữ người trái pháp luật";

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Anh T phạm tội "Cướp tài sản" và "Giữ người trái pháp luật";

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Ngọc N phạm tội "Cướp tài sản" .

Tuyên bố các bị cáo Vũ Hoàng M, Nguyễn Tấn L phạm tội "Bắt, giữ người trái pháp luật".

1.1 Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 168 và điểm b khoản 3 Điều 157, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 55, Điều 58, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Tuấn L 08 năm 06 tháng tù về tội "Cướp tài sản"; 07 năm tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật". Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội là 15 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là 29/11/2021.

1.2 Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 168 và điểm b khoản 3 Điều 157, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 55, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Dư Thanh Tuấn E 08 năm tù về tội "Cướp tài sản"; 06 năm 06 tháng tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật". Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội là 14 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là 29/11/2021.

1.3 Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 168 và điểm b khoản 3 Điều 157, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 55, Điều 58, điểm s khoản 1, Điều 51, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T (Tuấn E) 05 năm 03 tháng tù về tội "Cướp tài sản"; 03 năm 09 tháng tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật". Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội là 09 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là 30/11/2021.

1.4 Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 168 và điểm đ khoản 2 Điều 157, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 55, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Anh T 05 năm 03 tháng tù về tội "Cướp tài sản"; 02 năm tù về tội "Giữ người trái pháp luật". Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội là 07 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

1.5 Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 168, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc N 07 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là 23/9/2022.

1.6 Áp dụng khoản 1 Điều 157, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn L 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

1.7 Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 157, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Vũ Hoàng M 03 năm 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt của các bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 10 tháng 3 năm 2023, bị cáo Phạm Tuấn L kháng cáo với nội dung xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 10 tháng 3 năm 2023, bị cáo Dư Thanh Tuấn E và Huỳnh Ngọc N kháng cáo với nội dung xin xem xét lại tội danh, khung hình phạt và giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 14 tháng 3 năm 2023, bà Vũ Thị Kim T - Người đại diện hợp pháp của bị cáo Vũ Hoàng M kháng cáo với nội dung xin xem xét lại tội danh, khung hình phạt và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo M.

- Ngày 16 tháng 3 năm 2023, bị cáo Trần Thị Anh T kháng cáo với nội dung xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 20 tháng 3 năm 2023 bị cáo Nguyễn Tấn L kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo.

- Ngày 22 tháng 3 năm 2023 bị cáo Nguyễn Thanh T kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

**** Tại phiên tòa phúc thẩm:***

- Các bị cáo Phạm Tuấn L, Dư Thanh Tuấn E, Nguyễn Thanh T, Huỳnh Ngọc N, Trần Thị Anh T, Nguyễn Tấn L và Vũ Hoàng M thống nhất khai nhận hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản án sơ thẩm, đồng thời có ý kiến giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị cáo Phạm Tuấn L, Nguyễn Thanh T, Trần Thị Anh T xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Dư Thanh Tuấn E, Huỳnh Ngọc N xin xem xét lại tội danh và giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Nguyễn Tấn L xin được hưởng án treo và bà Vũ Thị Kim T – Người đại diện hợp pháp của bị cáo Vũ Hoàng M xin xem xét lại tội danh và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo M.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Phạm Tuấn L, Dư Thanh Tuấn E, Nguyễn Thanh T, Huỳnh Ngọc N, Trần Thị Anh T, Nguyễn Tấn L và bà Vũ Thị Kim T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Vũ Hoàng M có ý kiến thống nhất tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết đối với bị cáo. Tuy nhiên người bào chữa cho rằng, bị cáo M có tham gia cùng các đồng phạm đánh các bị hại. Thế

nhưng, theo kết luận giám định thì tổn hại sức khỏe của các bị hại không đáng kể. Vì thế, bản án sơ thẩm quy kết bị cáo phạm tội với tình tiết định khung hình phạt "Tra tấn, đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục nhân phẩm của người bị bắt, giữ " theo điểm b khoản 3 Điều 157 Bộ luật Hình sự là không phù hợp. Đồng thời, do bị cáo M là người dưới 18 tuổi phạm tội và hậu quả xảy ra đã được bị cáo Huỳnh Ngọc N bồi thường thiệt hại, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Qua lời khai nhận của các bị cáo Phạm Tuấn L, Dư Thanh Tuấn E, Nguyễn Thanh T, Huỳnh Ngọc N, Trần Thị Anh T, Nguyễn Tấn L và Vũ Hoàng M tại phiên tòa phúc thẩm, đối chiếu lời khai của các đồng phạm trong vụ án và lời trình bày của những người bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ, kết quả khám nghiệm hiện trường cùng các tài liệu, chứng cứ được cơ quan điều tra thu thập có đủ căn cứ xác định: Vào khoảng 18 giờ 30 phút đến 20 giờ 20 phút ngày 26/11/2021, tại quán ăn B thuộc ấp 1, xã Đ, thành phố T, tỉnh Tiền Giang, các bị cáo Phạm Tuấn L, Dư Thanh Tuấn E, Nguyễn Thanh T, Cao Thanh C, Trần Thị Anh T, Nguyễn Tấn L, Vũ Hoàng M, Nguyễn Hữu P và Trần Quốc B đã sử dụng kiếm, dao tự chế, vỏ chai bia để khống chế bắt, giữ và đánh đập hạ nhục nhân phẩm các bị hại Nguyễn Mỹ T2, Nguyễn Mỹ T4, Thái Duy K, Nguyễn Mỹ T5 và Giả Đức N2. Đồng thời, buộc bị hại Nguyễn Mỹ T2 ký giấy nợ và yêu cầu Nguyễn Mỹ T4, Thái Duy K, Nguyễn Mỹ T5, Giả Đức N2 đưa tiền đến chuộc, chiếm đoạt tổng cộng 54.500.000 đồng. Do đó, bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Phạm Tuấn L, Dư Thanh Tuấn E, Nguyễn Thanh T về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" và tội "Cướp tài sản" theo điểm b khoản 3 Điều 157 và điểm d, đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự; bị cáo Huỳnh Ngọc N về tội "Cướp tài sản" theo điểm đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Thị Anh T về tội "Giữ người trái pháp luật" và tội "Cướp tài sản" theo điểm đ khoản 2 Điều 157 và điểm đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự; bị cáo Vũ Hoàng M về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" theo điểm b khoản 3 Điều 157 Bộ luật Hình sự và bị cáo Nguyễn Tấn L về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Vì thế, yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Dư Thanh Tuấn E, Huỳnh Ngọc N và bà Vũ Thị Kim T – Người đại diện hợp pháp của bị cáo Vũ Hoàng M và ý kiến đề nghị của người bào chữa cho bị cáo M về tội danh, tình tiết tăng nặng định khung hình phạt đối với các bị cáo là không có căn cứ, nên không chấp nhận.

[2] Về ý thức chủ quan các bị cáo nhận thức được rằng, mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm; không ai bị bắt nếu không có quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân, trừ trường hợp phạm tội quả tang; mọi người có quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp. Thế nhưng, với bản tính hung hăng côn đồ mà các bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi

phạm tội là bắt, giữ và đánh đập nhằm chiếm đoạt tài sản của các bị hại chia nhau tiêu xài. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền tự do, quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của các bị hại được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Vì thế, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải xử phạt nghiêm khắc nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo có ý thức tuân theo pháp luật, các quy tắc của cuộc sống và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đến tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện; đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, các bị cáo không bổ sung được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo, ý kiến đề nghị của người bào chữa là không có cơ sở nên không chấp nhận .

[4] Quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp quy định của pháp luật nên ghi nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của các bị cáo và đại diện hợp pháp của bị cáo không được chấp nhận, nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[6] Nhận thấy, kết quả điều tra thể hiện:

[6.1] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện sự vô cớ, ngang ngược, coi thường những quy tắc trong cuộc sống, nên thuộc trường hợp "Phạm tội có tính chất côn đồ" là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, nhưng bản án sơ thẩm không áp dụng đối với các bị cáo là thiếu sót. Tuy nhiên, do không có kháng cáo, kháng nghị tăng nặng nên Hội đồng xét xử không xem xét, đề nghị Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[6.2] Đối với hành vi của bị cáo Huỳnh Ngọc N: Bị cáo khai nhận, quán B thuộc quyền quản lý của bị cáo và Phạm Tuấn L. Mặc dù không trực tiếp tham gia bắt các bị hại nhưng bị cáo biết và trực tiếp chứng kiến, đồng tình hành vi bắt, giữ các bị hại của các bị cáo Tuấn L (boy), G, Tuấn E cùng các đồng phạm, nên lấy băng keo đưa cho đồng phạm quấn miệng bị hại T2. Do đó, hành vi của bị cáo có đủ căn cứ xác định đồng phạm tội "Giữ người trái pháp luật". Thế nhưng cơ quan điều tra không khởi tố là bỏ lọt tội phạm.

[6.3] Đối với hành vi của Đoàn Văn T3: Đoàn Văn T3 không trực tiếp tham gia cùng các bị cáo bắt, giữ các bị hại. Tuy nhiên, quá trình điều tra anh T3 thừa nhận biết rõ các bị hại không thiếu nợ bị cáo Tuấn L, nhưng bị ép ghi nợ nhằm mục đích phạt nhóm cho vay, buộc ký nhận nợ để lấy tiền chuộc. Bản thân có tham gia đánh nhằm mục đích hạ nhục nhân phẩm bị hại Nguyễn Mỹ T2, đồng thời biết rõ số tiền 500.000 đồng bị cáo Tuấn L cho là tiền chiếm đoạt của các bị hại. Vì thế, hành vi của Đoàn Văn T3 là đồng phạm tội "Giữ người trái pháp luật"

và "Cướp tài sản". Thế nhưng, cơ quan điều tra không khởi tố đối với Đoàn Văn T3 là bỏ lọt người phạm tội.

[6.4] Xét thiếu sót bỏ lọt người phạm tội và tội phạm như đã nhận định tại phần [6.2], [6.3] đã được Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhưng cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không khởi tố, truy tố, nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không có lỗi.

Tuy nhiên, để đảm bảo sự công bằng và nghiêm minh của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm kiến nghị cơ quan điều tra Công an thành phố T khắc phục thiếu sót nêu trên, khởi tố đối với hành vi của bị cáo Huỳnh Ngọc N và đối tượng Đoàn Văn T3.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Phạm Tuấn L, Dư Thanh Tuấn E, Nguyễn Thanh T, Huỳnh Ngọc N, Trần Thị Anh T, Nguyễn Tấn L và bà Vũ Thị Kim T – Người đại diện hợp pháp của bị cáo Vũ Hoàng M; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 29/2023/HS-ST ngày 09/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tiền Giang.

2. Tuyên bố các bị cáo Phạm Tuấn L, Dư Thanh Tuấn E, Nguyễn Thanh T phạm tội "Cướp tài sản" và "Bắt, giữ người trái pháp luật"; bị cáo Trần Thị Anh T phạm tội "Cướp tài sản" và "Giữ người trái pháp luật"; bị cáo Huỳnh Ngọc N phạm tội "Cướp tài sản" và các bị cáo Vũ Hoàng M, Nguyễn Tấn L phạm tội "Bắt, giữ người trái pháp luật".

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 157; điểm d, đ khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Riêng đối với bị cáo Phạm Tuấn L áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51; điểm g, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Thanh T áp dụng thêm Điều 91 và Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt:

2.1. Bị cáo Phạm Tuấn L (Boy) 07 (bảy) năm tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" và 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Cướp tài sản". Tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 15 (mười lăm) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 29/11/2021.

2.2. Bị cáo Dư Thanh Tuấn E 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" và 08 (tám) năm tù về tội "Cướp tài sản". Tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 14 (mười bốn) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 29/11/2021.

2.3. Bị cáo Nguyễn Thanh T (Tuấn E) 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" và 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Cướp tài

sản". Tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 09 năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 30/11/2021.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 157; điểm đ khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38; Điều 50; Điều 55; Điều 58; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự.

2.4. Xử phạt bị cáo Trần Thị Anh T 02 (hai) năm tù về tội "Giữ người trái pháp luật" và 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Cướp tài sản". Tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

2.5. Xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc N 07 (bảy) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 23/9/2022.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 157; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự.

2.6. Xử phạt bị cáo Vũ Hoàng M 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

2.7. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn L 09 (chín) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

3. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Phạm Tuấn L, Dư Thanh Tuấn E, Nguyễn Thanh T, Huỳnh Ngọc N, Trần Thị Anh T, Nguyễn Tấn L và bà Vũ Thị Kim T – Người đại diện hợp pháp của bị cáo Vũ Hoàng M, mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:
-TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Tiền Giang;
-Trại tạm giam CA tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố T;
- VKSND thành phố T;
- Công an thành phố T;
- THADS thành phố T;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Tuấn